

Số: 3720 /BC-SYT

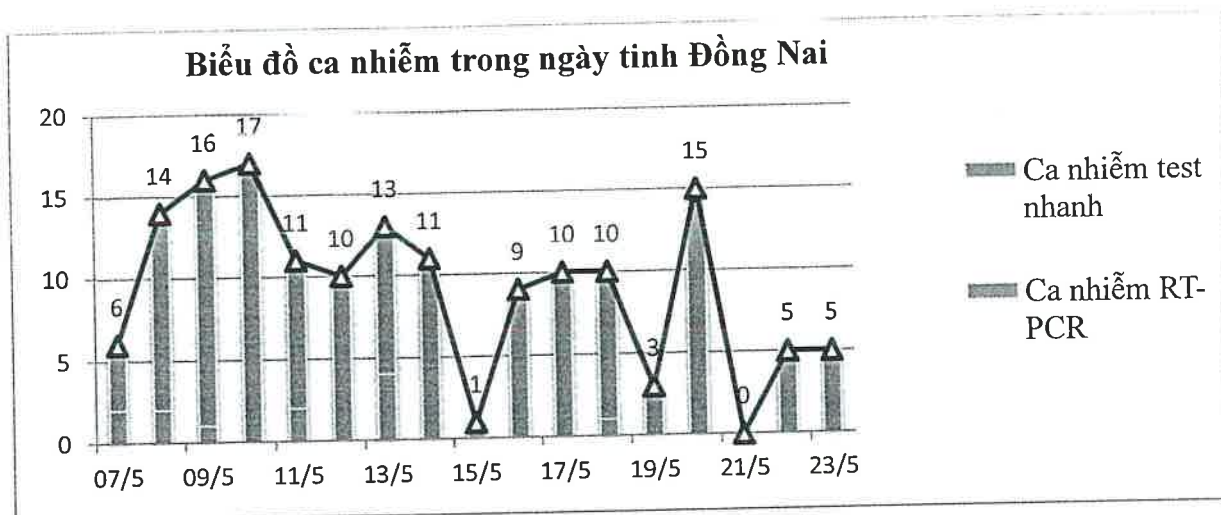
Đồng Nai, ngày 24 tháng 5 năm 2022

**BÁO CÁO NGÀY**  
**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
**Đến 22h00 ngày 23/5/2022**

**I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)**

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	0	1	1	0	0	1	51.093	104.865	155.958
2	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.493	61.872
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	13.946	25.316	39.262
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.695	24.830	34.525
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.021	27.111
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.001	17.075
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.559	16.332
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	4	4	0	0	4	1.682	13.601	15.283
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
<b>Tổng số</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>106.679</b>	<b>312.767</b>	<b>419.446</b>

\* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.



### Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 05 ca mắc COVID-19 mới phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.446 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## II. Công tác y tế

### 1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
<b>Cách ly tập trung</b>	00	00	44.104	44.104
<b>Cách ly tại nhà</b>	04	80	384.970	385.050
<b>Theo dõi sức khỏe</b>	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

### 2. Điều trị

#### 2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
<b>Số lượng</b>	05	50	02	417.433	00	1.963	05
<b>Tỉ lệ</b>		<b>0,01%</b>		<b>99,52%</b>		<b>0,47%</b>	<b>10,00%</b>

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 05 ca (trong đó có 05 ca phải thở oxy)
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 45 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0,06**
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0,06%**

#### 2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
<b>Tầng 3</b>	328	5	320
<b>Tầng 2</b>	3.821	0	3.821
<b>Tầng 1</b>	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyên nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 05 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

### 2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	0	17	166.956	167.083
2	Long Khánh	4	11	13.942	13.953
3	Vĩnh Cửu	0	4	29.510	29.537
4	Định Quán	0	2	17.863	17.865
5	Tân Phú	0	0	16.042	16.051
6	Trảng Bom	0	0	13.860	13.862
7	Thống Nhất		1	16.431	16.439
8	Xuân Lộc		0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	1	1	15.451	15.453
10	Long Thành		5	34.852	34.857
11	Nhơn Trạch	0	4	42.488	42.493
	<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>45</b>	<b>381.102</b>	<b>381.311</b>

### 3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 22/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 2.211 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.560.789 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 105,77% ; Mũi 2: 97,64%; Mũi 3: 50,60%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,72%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,95%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 47,70%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

#### 4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
<b>Test nhanh</b>	42	00	2.325.000	317.907
<b>RT-PCR mẫu đơn</b>	16	02	2.147.061	282.859
<b>RT-PCR mẫu gộp</b>	00	00	383.845	35.212
<b>Lượt người thực hiện PCR</b>	16	02	3.973.703	282.859

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

#### 5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

#### 6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

##### a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 05 ca mắc COVID-19 mới phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 47 ca mắc COVID-19 bao gồm 05 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó có 05 ca phải hỗ trợ thở oxy.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.446 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 105,77% ; Mũi 2: 97,64% ; Mũi 3: 50,60%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,72%
  - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,95%
  - + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 47,70%
  - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
  - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**
- + Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;
  - + Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .
- (Chi tiết tại Phụ lục 1)

#### b) Kiến nghị

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

#### Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Quang Trung**

**Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế**  
(Cập nhật đến ngày 21/5/2022 tại Báo cáo số 468/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	11	100%	170	100%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	00	0%	00	0%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	00	0%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%

**Tỉnh Đồng Nai: Cấp 1**

- Đánh giá Mức độ lây nhiễm: Mức độ 1  
- Đánh giá Khả năng đáp ứng: Khả năng cao  
- Tỉ lệ tử vong trong tuần ở mức dưới 6/100.000 dân

**Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19**

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị, trong đó				Phụ nữ có thai	BN > 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận					
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi	Số ca đang điều trị	HFNC	Thở máy						Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng			
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn							Thời oxy		
<b>TẦNG 3</b>																						
2	BVTN/THSTC	200	50	1	0	0	0	0	0	5	330	613	566	1		4	0	0	1	5		
5	BV Nhi ĐN/HSTC	20	10	0	0	0	0	0	0	0	5	9	1	0		0	0	0	0	0	10	
Tổng cộng (tầng 3)		280	130	1	1	0	0	0	0	5	335	1136	567	1		5	0	0	1	7	10	
<b>TẦNG 2</b>																						
Tổng cộng (tầng 2)		222	180	0	0	0	0	0	0	0	402	22	4653	0		0	0	0	0	0	0	230

## TÁNG 1

TỔNG CỘNG (Tầng 1)	50	50	0	0	0	0	0	0	0	1533	20	19089	0	0	0	0	0	0	0	50
TỔNG TÁNG (3-24)	552	360	1	1	0	0	0	0	5	2270	1178	24309	1	0	0	4	0	0	0	290

**Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên**  
**(Cập nhật ngày 22/5/2022)**



TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên												
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4				
1	Biên Hòa	1.067.510	1.127.826	105,65%	1.072.611	100,48%	462.221	43,30%	0	0,00%				
2	Long Khánh	152.606	147.194	96,45%	137.141	89,87%	85.550	56,06%	0	0,00%				
3	Long Thành	243.125	258.530	106,34%	235.442	96,84%	134.128	55,17%	84	0,03%				
4	Nhơn Trạch	284.738	273.429	96,03%	222.557	78,16%	126.567	44,45%	0	0,00%				
5	Thống Nhất	157.127	159.243	101,35%	146.367	93,15%	70.111	44,62%	0	0,00%				
6	Trảng Bom	314.810	330.218	104,89%	292.906	93,04%	172.505	54,80%	0	0,00%				
7	Vĩnh Cửu	152.991	165.208	107,99%	161.782	105,75%	96.062	62,79%	0	0,00%				
8	Xuân Lộc	217.600	222.274	102,15%	208.019	95,60%	114.221	52,49%	61	0,03%				
9	Cẩm Mỹ	130.504	129.816	99,47%	122.699	94,02%	80.020	61,32%	0	0,00%				
10	Định Quán	172.833	170.312	98,54%	166.145	96,13%	96.754	55,98%	0	0,00%				
11	Tân Phú	146.636	154.725	105,52%	140.751	95,99%	67.972	46,35%	0	0,00%				
	<b>Đồng Nai</b>	<b>2.976.566</b>	<b>3.148.258</b>	<b>105,77%</b>	<b>2.906.420</b>	<b>97,64%</b>	<b>1.506.111</b>	<b>50,60%</b>	<b>145</b>	<b>0,00%</b>				

**Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi**  
**(Cập nhật ngày 22/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi							Người từ 5 đến 11 tuổi						
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	93.343	0	90.557	97,02%	85.454	91,55%	0	0,00%	105.514	0	50.449	47,81%	0	0,00%
2	Long Khánh	15.476	0	15.476	100,00%	15.095	97,54%	0	0,00%	16.359	0	7.600	46,46%	698	4,27%
3	Long Thành	27.269	0	27.351	100,30%	25.028	91,78%	0	0,00%	24.790	166	11.023	44,47%	1.491	6,01%
4	Nhon Trạch	18.215	0	19.565	107,41%	16.888	92,71%	0	0,00%	22.771	0	10.112	44,41%	0	0,00%
5	Thống Nhất	14.905	0	15.728	105,52%	14.303	95,96%	0	0,00%	20.979	0	8.570	40,85%	2.078	9,91%
6	Trảng Bom	34.961	0	33.558	95,99%	33.743	96,52%	0	0,00%	28.980	383	17.430	60,14%	103	0,36%
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.997	99,71%	14.562	96,82%	0	0,00%	16.802	984	9.483	56,44%	1.010	6,01%
8	Xuân Lộc	22.654	0	22.491	99,28%	21.691	95,75%	0	0,00%	28.901	0	10.548	36,50%	1.700	5,88%
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	12.695	99,10%	12.090	94,38%	0	0,00%	15.417	0	6.925	44,92%	1.820	11,81%
10	Định Quán	20.291	0	20.268	99,89%	19.837	97,76%	0	0,00%	22.562	467	11.117	49,27%	2.781	12,33%
11	Tân Phú	17.908	0	17.180	95,93%	16.450	91,86%	0	0,00%	16.926	0	9.398	55,52%	44	0,26%
	<b>Đồng Nai</b>	<b>292.872</b>	<b>0</b>	<b>289.866</b>	<b>98,97%</b>	<b>275.141</b>	<b>93,95%</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	<b>320.001</b>	<b>2.000</b>	<b>152.655</b>	<b>47,70%</b>	<b>11.725</b>	<b>3,66%</b>